THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI TRÒ CHƠI HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG HỌC THÔNG QUA CHƠI TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Thị Hà, Phạm Thị Kim Ngân, Trần Phạm Trúc Nhi
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: truongthiha2610@gmail.com, phamthikimngan22122005@gmail.com, tranphamtrucnhi@gmail.com

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng triển khai trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung khảo sát gồm nhận thức của giáo viên về Học thông qua Chơi; mức độ và hiệu quả sử dụng trò chơi học tập; những thuận lợi, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ trong quá trình triển khai. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí luận, điều tra bằng phiếu khảo sát và thống kê toán học trên 190 giáo viên tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy giáo viên có nhận thức khá đầy đủ về Học thông qua Chơi và đánh giá tích cực vai trò của trò chơi học tập. Tuy nhiên, việc triển khai còn hạn chế do thiếu học liệu, thời lượng tiết học ngắn, sĩ số lớp,... Kết quả nghiên cứu là cơ sở để xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.*

Từ khóa*: trò chơi học tập; Học thông qua Chơi; Tự nhiên và Xã hội; thực trạng; giáo viên tiểu học.*

CURRENT PRACTICES IN IMPLEMENTING LEARNING GAMES BASED ON A LEARNING-THROUGH-PLAY APPROACH IN GRADE 1 NATURE AND SOCIETY INSTRUCTION IN HO CHI MINH CITY

Abstract: *This study investigates the current implementation of learning games based on the Learning through Play approach in Grade 1 Nature and Society classes in Ho Chi Minh City. The survey focuses on teachers' perceptions of Learning through Play, the extent and effectiveness of implementing learning games, as well as the advantages, challenges, and support needs encountered during the implementation process. The study employs theoretical research, questionnaire-based surveys, and statistical analysis of data collected from 190 primary school teachers in Ho Chi Minh City. The findings indicate that teachers have a relatively comprehensive understanding of Learning through Play and hold positive views regarding the role of learning games. However, the implementation remains limited due to factors such as insufficient teaching materials, limited lesson time, and large class sizes. These results provide a basis for proposing solutions to enhance the effectiveness of this approach in Grade 1 Nature and Society classrooms.*

Keywords: *learning games; Learning through Play; Nature and Society; implementation practices; primary school teachers.*

Nhận bài: 09/07/2026 Phản biện: 09/08/2026 Duyệt đăng: 13/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh (HS) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trong bối cảnh đó, Học thông qua Chơi (HTQC) được xem là một định hướng giáo dục phù hợp, tạo cơ hội để HS tiếp cận kiến thức và phát triển phẩm chất, năng lực thông qua các hoạt động chơi có mục đích, giàu tính trải nghiệm (UNICEF & LEGO Foundation, 2018).

Đối với HS lớp 1, giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học thường đặt ra nhiều khó khăn trong việc thích nghi với môi trường và hoạt động học tập mới (Vũ Ngọc Hà, 2008). Đồng thời, đặc điểm tư duy trực quan và gắn với hành động cụ thể của lứa tuổi này đòi hỏi các hình thức tổ chức dạy học phù hợp (Nguyễn Minh Giang và cộng sự., 2022). Trong đó, trò chơi học tập (TCHT) được xem là một công cụ hiệu quả nhằm tạo hứng thú học tập, phát huy tính tích cực và hỗ trợ HS tiếp cận kiến thức một cách tự nhiên (Phó Đức Hòa & Mai Thảo Quyên, 2023).

Trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, nội dung học tập gắn với các chủ đề gần gũi và chú trọng hoạt động trải nghiệm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Tuy nhiên, việc thiết kế và sử dụng TCHT theo định hướng HTQC trong dạy học môn học này vẫn còn hạn chế; giáo viên (GV) chưa thường xuyên vận dụng và có nhu cầu được hỗ trợ về tài liệu hướng dẫn thiết kế, tổ chức trò chơi. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng nhận thức, mức độ sử dụng và nhu cầu hỗ trợ của GV đối với việc thiết kế và sử dụng TCHT theo định hướng HTQC trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất quy trình thiết

kế và sử dụng TCHT phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Trò chơi học tập

Có nhiều quan điểm khác nhau về TCHT. Theo Crupxkaia (1959), TCHT là một phương thức giúp trẻ nhận thức thế giới, góp phần giáo dục các giá trị tích cực và tăng cường sự gắn kết giữa các em. Kế thừa quan điểm này, Lê Thị Cẩm Tú và cộng sự (2023) nhấn mạnh sự thống nhất giữa hoạt động chơi và hoạt động học, trong đó các thao tác chơi đồng thời là nội dung học tập, tạo cơ hội cho HS trải nghiệm, khám phá và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, Trang Văn Dễ và cộng sự (2026) tiếp cận TCHT dưới góc độ tổ chức dạy học, xem đây là hoạt động được thiết kế dựa trên cơ chế trò chơi với mục tiêu, nội dung, cấu trúc và quy tắc rõ ràng, giúp HS chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập và đạt được những kết quả có thể quan sát, đánh giá.

Theo Trịnh Văn Sỹ (2023), để TCHT phát huy hiệu quả trong dạy học, việc thiết kế cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau: (1) phù hợp với mục tiêu và nội dung bài học; (2) phù hợp với thời lượng tiết học, điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; (3) phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và trình độ nhận thức của HS; (4) bảo đảm tính hấp dẫn, khơi gợi hứng thú học tập và khuyến khích sự tham gia tích cực của tất cả HS.

Từ các quan điểm trên, TCHT được hiểu là hoạt động học tập được thiết kế dựa trên cơ chế của trò chơi, có mục tiêu, nội dung, luật chơi và cách thức tổ chức phù hợp với yêu cầu dạy học; tạo điều kiện để HS tham gia chủ động thông qua trải nghiệm, tương tác và khám phá nhằm lĩnh hội tri thức, rèn luyện kĩ năng, đồng thời phát triển phẩm chất và năng lực.

2.1.2. Học thông qua chơi

Học thông qua Chơi là một hướng tiếp cận giáo dục trong đó HS được tương tác, trải nghiệm, khám phá và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ, hứng thú, các hoạt động chơi được kết nối với mục tiêu học tập nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của các em (VVOB, 2022, p.8).

Theo VVOB (2022), HTQC được đặc trưng bởi năm đặc điểm cốt lõi (Hình 1), gồm:



Hình 1: Đặc điểm của Học thông qua chơi

(1) Hứng thú: vui vẻ, hứng khởi khi tham gia các hoạt động học tập, từ đó chủ động và tích cực học tập;

(2) Tham gia tích cực: chủ động, tập trung và tích cực tham gia vào các hoạt động học tập;

(3) Có ý nghĩa: kết nối kiến thức với kinh nghiệm và thực tiễn, giúp việc học trở nên có ý nghĩa và thiết thực;

(4) Tương tác xã hội: trao đổi, chia sẻ và hợp tác trong quá trình học tập, góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác;

(5) Có nhiều cơ hội thử nghiệm: thử nghiệm nhiều phương án và điều chỉnh cách thực hiện để tìm ra giải pháp phù hợp.

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm trên, nghiên cứu cho rằng HTQC là hướng tiếp cận giáo dục, trong đó các hoạt động học tập được tổ chức thông qua chơi và gắn với mục tiêu học tập. Việc tổ chức các hoạt động này cần bảo đảm các đặc trưng cốt lõi như tạo hứng thú, thúc đẩy sự tham gia tích cực, gắn với kinh nghiệm và thực tiễn, tăng cường tương tác xã hội và tạo cơ hội thử nghiệm, qua đó giúp HS chủ động khám phá, giải quyết vấn đề và phát triển phẩm chất, năng lực.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Nghiên cứu phân tích, tổng hợp tài liệu nhằm xây dựng cơ sở lí luận về TCHT, HTQC và việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 theo Chương trình GDPT 2018. Nguồn tài liệu bao gồm các công trình nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam cùng các văn bản chỉ đạo, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có liên quan. Kết quả được tổng hợp và hệ thống hóa để xây dựng cơ sở lí luận và khung nội dung khảo sát.

2.2.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phiếu khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng triển khai TCHT theo định hướng HTQC trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1. Đối tượng khảo sát gồm 190 GV tiểu học tại TP. Hồ Chí Minh. Phiếu khảo sát được thiết kế trên Google Forms, gồm các nội dung về nhận thức, thực trạng sử dụng, thuận lợi, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của GV. Việc khảo sát được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và bảo đảm tính bảo mật.

2.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Dữ liệu được mã hóa và xử lí bằng Microsoft Excel và SPSS. Thống kê mô tả, gồm tần suất, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình (GTTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), được sử dụng để phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức của giáo viên về Học thông qua Chơi trong giáo dục tiểu học

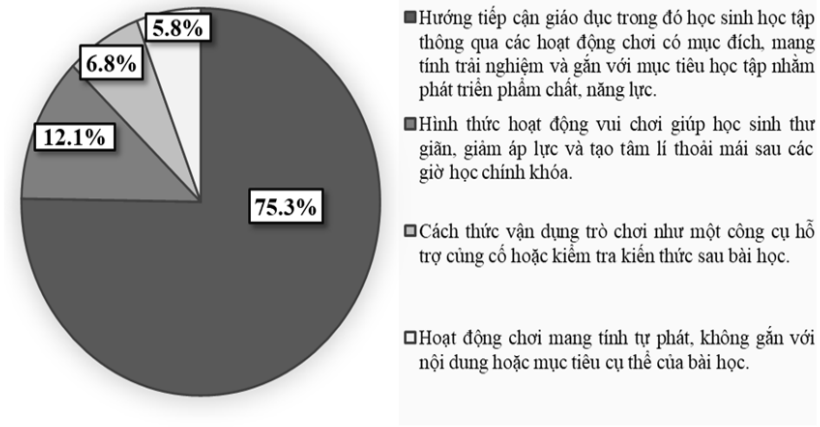

Hình 2. Nhận thức của giáo viên về khái niệm Học thông qua Chơi

Dựa trên Hình 2, đa số GV đã nhận thức đúng về khái niệm HTQC. Cụ thể, 75,3% GV lựa chọn phương án xem HTQC là hướng tiếp cận giáo dục trong đó HS học qua hoạt động chơi có mục đích, mang tính trải nghiệm và gắn với mục tiêu học tập nhằm phát triển phẩm chất, năng lực.

Tuy nhiên, vẫn còn một số nhận thức chưa đầy đủ: 12,1% GV xem HTQC chủ yếu là hoạt động vui chơi giúp thư giãn; 6,8% coi đây là công cụ củng cố hoặc kiểm tra kiến thức sau bài học; và 5,8% cho rằng HTQC là hoạt động chơi tự phát, không gắn với mục tiêu học tập.

Nhìn chung, phần lớn GV đã hiểu đúng bản chất của HTQC, trong khi tỷ lệ nhận thức chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ còn tương đối thấp.

Bảng 1. Nhận thức của giáo viên về vai trò của định hướng Học thông qua Chơi

Tiêu chí	Số lượng GV lựa chọn (%)					GTTB	ĐLC
	HTKĐY	KĐY	TL	ĐY	HTĐY		
1. Góp phần thực hiện mục tiêu và yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học	9 (4.7%)	6 (3.2%)	39 (20.5%)	69 (36.3%)	67 (35.3%)	3.94	1.055
2. Đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức tổ chức dạy học	7 (3.7%)	7 (3.7%)	30 (15.8%)	77 (40.5%)	69 (36.3%)	4.02	1.002
3. Đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá học sinh	8 (4.2%)	7 (3.7%)	42 (22.1%)	71 (37.4%)	62 (32.6%)	3.91	1.035

Dữ liệu ở Bảng 1 cho thấy GV có nhận thức khá tích cực về vai trò của định hướng HTQC trong dạy học ở tiểu học. Đối với tiêu chí Góp phần thực hiện mục tiêu và yêu cầu của Chương trình giáo dục cấp tiểu học, tỉ lệ GV lựa chọn mức Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý lần lượt là 36.3% (N = 69) và 35.3% (N = 67), với GTTB đạt 3.94, phản ánh mức độ đồng thuận khá cao. Tuy nhiên, ĐLC đạt 1.055 cùng với 20.5% (N = 39) GV lựa chọn mức Trung lập cho thấy nhận thức của GV về vai trò này vẫn còn có sự phân hóa nhất định. Đối với tiêu chí Đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức tổ chức dạy học, đây là tiêu chí có mức độ đồng thuận cao nhất với GTTB đạt 4.02. Cụ thể, 40.5% (N = 77) GV lựa chọn mức Đồng ý và 36.3% (N = 69) lựa chọn mức Hoàn toàn đồng ý, phản ánh sự đánh giá tích cực của GV đối với vai trò của HTQC trong đổi mới phương thức tổ chức dạy học. Mặc dù vậy, ĐLC đạt 1.002 cho thấy mức độ thống nhất trong nhận thức giữa các GV chưa hoàn toàn đồng đều. Ở tiêu chí Đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá học sinh, GTTB đạt 3.91 với 37.4% (N = 71) GV lựa chọn mức Đồng ý và 32.6% (N = 62) lựa chọn mức Hoàn toàn đồng ý. Kết quả này cho thấy phần lớn GV đánh giá HTQC có vai trò tích cực trong đổi mới hoạt động đánh giá HS. Tuy nhiên, ĐLC đạt 1.035 phản ánh nhận thức của GV về vai trò này vẫn còn có sự khác biệt nhất định. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đồng thuận với vai trò của định hướng HTQC trong dạy học ở tiểu học. Tuy vẫn còn sự khác biệt nhất định trong nhận thức giữa các GV nhưng mức độ đồng thuận nhìn chung ở mức khá cao.

2.3.2. Thực trạng sử dụng trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

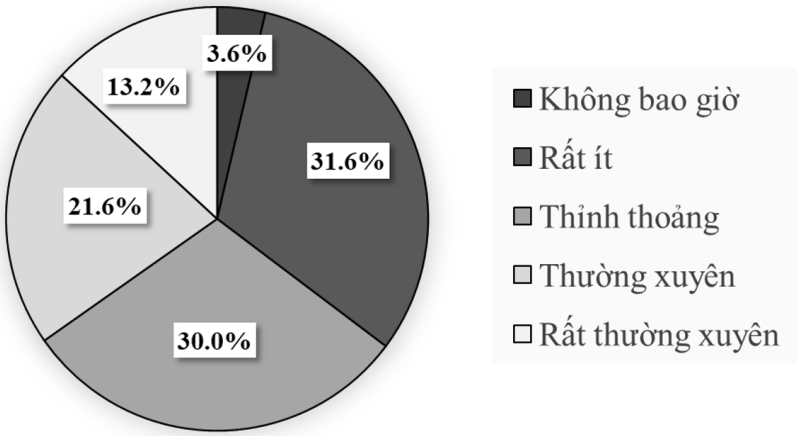

Hình 3. Mức độ thường xuyên sử dụng trò chơi học tập theo định hướng học thông qua chơi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 của giáo viên

Dựa trên số liệu ở Hình 3, kết quả khảo sát cho thấy mức độ sử dụng TCHT theo định hướng HTQC trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 của GV chưa cao. Trong đó, mức Rất ít chiếm tỉ lệ cao nhất (31.6%), tiếp theo là mức Thỉnh thoảng (30.0%). Tỉ lệ GV sử dụng ở mức Thường xuyên và Rất thường xuyên lần lượt là 21.6% và 13.2%, trong khi 3.6% GV cho biết chưa từng sử dụng TCHT theo định hướng HTQC. Kết quả này phản ánh việc triển khai TCHT theo định hướng HTQC trong thực tiễn dạy học còn hạn chế, với tần suất sử dụng chưa cao ở phần lớn GV. Nhìn chung, các TCHT theo định hướng HTQC chưa được GV vận dụng thường xuyên, cho thấy vẫn còn khoảng cách giữa nhận thức và thực tiễn triển khai định hướng này trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1.

Bảng 2. Hiệu quả của việc sử dụng trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi trong việc phát triển năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội cho học sinh lớp 1

Tiêu chí	Số lượng GV lựa chọn (%)					GTTB	ĐLC
	HTKĐY	KĐY	TL	ĐY	HTĐY		
1. Giúp học sinh phát triển năng lực nhận thức khoa học	7 (3.7%)	10 (5.3%)	2 (14.7%)	70 (36.8%)	75 (39.5%)	4.03	1.044

2. Giúp học sinh phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh	8 (4.2%)	8 (4.2%)	2 (12.1%)	91 (47.9%)	60 (31.6%)	3.98	0.995
3. Giúp học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	10 (5.3%)	8 (4.2%)	2 (14.7%)	76 (40.0%)	68 (35.8%)	3.97	1.074

Kết quả khảo sát cho thấy GV đánh giá tích cực hiệu quả của TCHT theo định hướng HTQC trong phát triển phẩm chất và năng lực HS lớp 1. Đối với năng lực nhận thức khoa học, 36,8% GV (N = 70) Đồng ý và 39,5% (N = 75) Hoàn toàn đồng ý; GTTB = 4,03, cao nhất trong ba tiêu chí, với ĐLC = 1,044.

Ở tiêu chí phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, 47,9% GV (N = 91) Đồng ý và 31,6% (N = 60) Hoàn toàn đồng ý, đạt GTTB = 3,98 và ĐLC = 0,995. Đối với năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, tổng tỷ lệ đồng thuận đạt 75,8%, gồm 40,0% (N = 76) Đồng ý và 35,8% (N = 68) Hoàn toàn đồng ý; GTTB = 3,97 và ĐLC = 1,074.

Nhìn chung, GV đánh giá cao vai trò của TCHT trong phát triển các năng lực của HS. Trong đó, năng lực nhận thức khoa học có GTTB cao nhất, còn năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng có mức độ phân tán ý kiến lớn nhất.

2.3.3. Thuận lợi, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của giáo viên khi sử dụng trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi

Bảng 3. Thuận lợi của giáo viên khi triển khai trò chơi học tập theo định hướng Học thôngqua Chơi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

Thuận lợi	Số lượng GV lựa chọn (%)					GTTB	ĐLC
	HTKĐY	KĐY	TL	ĐY	HTĐY		
1. Học sinh hứng thú, tích cực và chủ động khi tham gia các trò chơi học tập trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1	6 (3.2%)	8 (4.2%)	25 (13.2%)	76 (40.0%)	75 (39.5%)	4.08	0.988
2. Trò chơi học tập giúp học sinh phát triển kĩ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy sáng tạo	7 (3.7%)	11 (5.8%)	24 (12.6%)	69 (36.3%)	79 (41.6%)	4.06	1.052
3. Trò chơi học tập giúp học sinh trải nghiệm, khám phá và vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế	8 (4.2%)	11 (5.8%)	28 (14.7%)	75 (39.5%)	68 (35.8%)	3.97	1.059
4. Môn Tự nhiên và Xã hội có nội dung gắn với đời sống thực tế, thuận lợi cho việc tổ chức trò chơi học tập	6 (3.2%)	10 (5.3%)	49 (25.8%)	58 (30.5%)	67 (35.3%)	3.89	1.049
5. Nhà trường và tổ chuyên môn khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên triển khai Học thông qua Chơi	12 (6.3%)	9 (4.7%)	40 (21.1%)	80 (42.1%)	49 (25.8%)	3.76	1.085
6. Giáo viên được đồng nghiệp chia sẻ, hỗ trợ kinh nghiệm trong quá trình thiết kế và tổ chức trò chơi học tập	10 (5.3%)	10 (5.3%)	57 (30.0%)	63 (33.2%)	50 (26.3%)	3.70	1.079

Dữ liệu ở Bảng 3 cho thấy GV đánh giá cao các thuận lợi của việc triển khai TCHT theo định hướng HTQC, đặc biệt ở những yếu tố gắn trực tiếp với HS. Có 79,5% GV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng HS hứng thú, tích cực và chủ động khi tham gia TCHT, gồm 40,0% (N = 76) đồng ý và 39,5% (N = 75) hoàn toàn đồng ý; chỉ 7,4% không đồng thuận, gồm 4,2% (N = 8) không đồng ý và 3,2% (N = 6) hoàn toàn không đồng ý (GTTB = 4,08; ĐLC = 0,988). TCHT giúp phát triển giao tiếp, hợp tác và tư duy sáng tạo được 77,9% GV (N = 148) đồng thuận, trong khi 9,5% không đồng thuận (GTTB = 4,06; ĐLC > 1). Tương tự, 75,3% GV (N = 143) đánh giá TCHT giúp HS trải nghiệm, khám phá và vận dụng kiến thức thực tế (GTTB = 3,97; ĐLC > 1).

Các yếu tố hỗ trợ khác có mức đồng thuận thấp hơn: nội dung môn học gắn với thực tiễn đạt 65,8% (N = 125), sự khuyến khích của nhà trường và tổ chuyên môn 67,9% (N = 129), sự hỗ trợ của đồng nghiệp 59,5% (N = 113). Tỷ lệ trung lập ở các yếu tố này dao động 21,1%–30,0%; GTTB lần lượt là 3,89; 3,76 và 3,70, với ĐLC từ 1,049–1,085, cho thấy điều kiện hỗ trợ chưa đồng đều giữa các cơ sở.

Về khó khăn, nổi bật nhất là thiếu học liệu, đồ dùng và bộ TCHT phù hợp, với 71,0% GV (N = 135) đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý; chỉ 10,0% không đồng thuận (GTTB = 3,91; ĐLC = 0,971). Thời lượng tiết học ngắn được 67,3% GV (N = 128) xác định là trở ngại (GTTB = 3,90; ĐLC = 0,979), trong khi sĩ số lớp đông được 65,2% GV (N = 124) đồng thuận (GTTB = 3,81; ĐLC = 0,995). Ngoài ra, 53,1% GV (N = 101) cho rằng chưa được tập huấn chuyên sâu (GTTB = 3,56; ĐLC = 0,928), và 57,4% (N = 109) gặp áp lực hoàn thành chương trình và kiểm tra, đánh giá (GTTB = 3,70; ĐLC = 0,992). Khó khăn từ phía phụ huynh có mức thấp nhất: 45,8% GV (N = 87) đồng ý, GTTB = 3,40 và ĐLC = 1,033, cho thấy ý kiến còn phân tán. Nhìn chung, học liệu, thời gian và quản lí lớp học là ba trở ngại phổ biến nhất.

Về nhu cầu hỗ trợ, 76,8% GV (N = 146) mong muốn được cung cấp các trò chơi mẫu đa dạng kèm mục tiêu và cách chơi cụ thể; 68,9% (N = 131) cần hướng dẫn lựa chọn, tổ chức và vận dụng trò chơi phù hợp từng chủ đề/bài học; 60,0% (N = 114) mong muốn được gợi ý cách tích hợp trò chơi vào hoạt động HTQC theo Chương trình GDPT 2018. Nội dung hướng dẫn đánh giá kết quả học tập và năng lực HS qua TCHT được 37,4% GV (N = 71) lựa chọn. Ngoài ra, 0,5% GV đề xuất hướng dẫn điều chỉnh trò chơi cho HS lớp 1 và 0,5% đề xuất cách xử lí tình huống HS mất trật tự khi chơi.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khảo sát 190 giáo viên tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai trò chơi học tập theo định hướng Học thông qua Chơi trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1. Kết quả cho thấy giáo viên nhận thức khá đầy đủ về định hướng này và đánh giá tích cực vai trò của trò chơi học tập, nhưng mức độ triển khai thực tế còn hạn chế. Những khó khăn chính gồm thiếu học liệu, đồ dùng dạy học, thời lượng tiết học ngắn, sĩ số đông và hạn chế trong thiết kế, tổ chức trò chơi phù hợp mục tiêu bài học. Giáo viên cũng có nhu cầu được hỗ trợ bằng trò chơi mẫu, tài liệu hướng dẫn và các chương trình bồi dưỡng chuyên môn.

Kết quả cung cấp cơ sở thực tiễn để xây dựng giải pháp hỗ trợ giáo viên. Nghiên cứu tiếp theo sẽ tập trung phát triển quy trình thiết kế, hệ thống trò chơi học tập và biện pháp sử dụng phù hợp với môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 nhằm nâng cao hiệu quả Học thông qua Chơi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).

Crupxkaia, N. K. (1959). Tuyển tập sư phạm (Tập 6). NXB Matxcova.

Lê Thị Cẩm Tú, Phan Hoàng Hải, & Trương Thị Phương Thảo. (2023). Sử dụng trò chơi học tập trong dạy học môn Khoa học tự nhiên lớp 6. Tạp chí Giáo dục, 23(2), 7-11.

Nguyễn Minh Giang, Phạm Hồng Phong, Nguyễn Anh Tuấn, & Vũ Ngân Hà. (2022). Thiết kế và tổ chức trò chơi trong dạy học môn Toán ở đầu cấp tiểu học. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng, (53), 12-19.

Phó Đức Hoà & Mai Thảo Quyên. (2023). Thực trạng tổ chức Học thông qua chơi tạo cơ hội thử nghiệm cho học sinh trong môn Toán lớp 2 ở các trường tiểu học thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 19(3), 61-67. https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310310

Trang Văn Dể, Bùi Phương Uyên, Dương Hữu Tòng, & Lê Minh Đề. (2026). Tổ chức trò chơi học tập trong dạy học chủ đề "Các quy tắc tính xác suất" (Toán 11) trên nền tảng Wayground. Tạp chí Giáo dục, 26(07), 65-70.

Trịnh Văn Sỹ. (2023). Thiết kế và sử dụng trò chơi học tập trong dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 10 THPT. TNU Journal of Science and Technology, 228(12), 198-205. https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8421

UNICEF & Lego Foundation. (2018). Strengthening learning through play in early childhood education programmes. UNICEF.

Vũ Ngọc Hà. (2008). Tương quan giữa tâm thế sẵn sàng đi học với khó khăn tâm lý của học sinh đầu lớp 1. Tạp chí Tâm lý học, 10(115), 36-41.

VVOB. (2022). Hướng dẫn tổ chức Học thông qua chơi cấp Tiểu học (Quyển 1). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.